TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An
- Các Hội thẩm nhân dân:
1, Ông Nguyễn Tất Dũng
2, Ông Đinh Quốc Việt
- Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ.
- Đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Anh Lưu Ngọc T - sinh năm 1973
HKTT: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên
(có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Chị Ân Thị H – sinh năm 1978
HKTT: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên
(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/02/2019, bản tự khai ngày 20/02/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lưu Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ân Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên). Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 – 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Sau đó anh có lên nói chuyện hàn gắn để đón vợ về nhưng mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì chị H lại bỏ về nhà ngoại. Từ 4 – 5 năm nay, vợ chồng đã sống ly thân, chị H chuyển hẳn hộ khẩu về nhà mẹ đẻ ở xóm T, xã T và thường xuyên đi làm xa. Khi anh nói chuyện ly hôn, chị H đã nhất trí. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Thị Thanh D, sinh ngày 21/9/1995 và Lưu Tiến Đ, sinh ngày 19/5/2006. Con đầu đã trưởng thành và có gia đình riêng. Con thứ hai đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Ân Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại các Biên bản xác minh của Tòa án, bà Đỗ Thị L- mẹ đẻ của chị H cho biết: Bà có cùng hộ khẩu thường trú với chị H. Hiện nay chị H đi làm ăn xa, bà không rõ chị đi làm ở đâu nhưng thỉnh thoảng có về nhà. Tuy nhiên, chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại. Chị H và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 1996. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng những năm về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Anh T có hành vi bạo lực với vợ nên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Đã nhiều lần anh T và chị H nói đến chuyện ly hôn nhưng do chị H thường đi làm xa nên vẫn chưa giải quyết được. Nay chị H đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh T, chị H có thể hiện quan điểm là hoàn toàn nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu. Do điều kiện công việc nên chị H không có thời gian đến Tòa án được. Về con chung, vợ chồng chị H có 02 con chung. Con đầu đã trưởng thành, con thứ hai đang ở với bố. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc của Tòa án đối với cháu Lưu Tiến Đ là con chung của anh T và chị H, cháu thể hiện nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Lưu Ngọc T, cho anh T được ly hôn chị Ân Thị H. Về con chung: Con đầu đã trưởng thành. Giao con chung Lưu Tiến Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì anh T không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] **Về tố tụng**: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn cư trú tại xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ chị H đến phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, chị H vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Ân Thị H.

[2.] **Về nội dung**: Cuộc hôn nhân giữa anh Lưu Ngọc T và chị Ân Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) năm 1996 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của anh T, căn cứ thông tin do đại diện thân nhân của chị H cung cấp, có đủ cơ sở xác định giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ nhiều năm nay, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Anh T có đơn xin ly hôn, chị H đã biết và thể hiện quan điểm thông qua người thân là nhất trí ly hôn. Điều đó cho thấy, giữa anh T và chị H không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho anh được ly hôn chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014,.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H có 02 con chung là Lưu Thị Thanh D, sinh ngày 21/9/1995 và Lưu Tiến Đ, sinh ngày 19/5/2006. Con đầu là Lưu Thị Thanh D đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Con thứ hai đang ở với anh T. Anh T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về phía bị đơn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H vắng mặt, không có lời khai bằng văn bản thể hiện quan điểm về việc nuôi con. Do vậy, không có căn cứ giao con cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu nuôi con của anh T là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con nên cần giao con thứ hai là Lưu Tiến Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì anh T không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, anh T và chị H có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi thấy cần thiết.

Tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có. Chị H không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lưu Ngọc T đối với chị Ân Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Ngọc T được ly hôn chị Ân Thị H.

2. Về con chung: Anh T và chị H có là 02 con chung là Lưu Thị Thanh D, sinh ngày 21/9/1995 và Lưu Tiến Đ, sinh ngày 19/5/2006. Con đầu Lưu Thị Thanh D đã trưởng thành. Giao con thứ hai là Lưu Tiến Đ, sinh ngày 19/5/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H do anh T không yêu cầu. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

* Án phí: Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 18/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai số 0016236.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi Cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Hóa Thượng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)

Vũ Thị An